

Bản án số: 62/2021/DS-PT

Ngày: 20/4/2021

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền

Ông Đặng Văn Quyết

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hải Yến- Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang:* Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2020/TLPT- DS ngày 18/12/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS - ST ngày 14/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo. Theo quyết định hoãn phiên tòa số 60/2021/QĐ-PT ngày 19/3/2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Thân Đức B – Sinh năm 1956. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Anh Vũ Trí C – Sinh năm 1981. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 1711, Chung cư Q, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư Hoàng Thị Bích L – Văn phòng Luật sư H – Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

Địa chỉ: số 09 H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Công T – Sinh năm 1970. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Hà Đình T- Công ty Luật TNHH T- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. SĐT: 0888250828.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Dương Thị H – Sinh năm 1972. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Đặng Thị N – Sinh năm 1960. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Bồ Xuân T1 – Sinh năm 1974. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Giáp Thị T2 – Sinh năm 1962. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Nguyễn Thị H1 – Sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Khu công nghiệp Đình Trám.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Thân Đức B và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/10/2019, anh Bồ Xuân T1, sinh năm 1974, địa chỉ tại thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang là người cùng thôn với ông có gặp và đề cập với ông là T1 có người anh con nhà bá ruột có nhu cầu cần vay một khoản 400.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng xem ông có giúp gì được không, người đó là Nguyễn Công T, sinh năm 1970 cùng địa chỉ với T1. Ông cũng biết T là con bà N1 ở xóm C, thôn C gần nhà em gái ruột của ông. T đang vay Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh khu công nghiệp Đình Trám số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 26/10/2019. T1 có nói với ông những lần trước là T1 đáo hạn cho T nhưng lần này T1 hết tiền nên nhờ ông tạo điều kiện giúp anh T làm thủ tục đáo hạn.

Do có mối quan hệ thân thiết với T1 nên ông đã rất tin tưởng T1, ông cũng biết T và vì T là anh của T1 nên ông đã nhận lời giúp T nhưng với điều kiện ông phải trao đổi cụ thể và làm việc trực tiếp với T. Chiều ngày 23/10/2019, T1 có điện thoại cho ông và nói “Mai là ngày 24/10/2019, anh có lo giúp T đáo hạn không? Nếu đến ngày 26/10/2019 là ngày thứ 7 thì Ngân hàng họ nghỉ không làm việc”. Ông có trả lời T1 rằng “Bảo T nó thống nhất thì mai đi”. Ngay lúc đó, T1 có đưa

điện thoại cho T và T chính thức đặt vấn đề nhờ ông cho vay tiền để đáo hạn khoản vay 400.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám. Theo thỏa thuận, ông cho T vay 400.000.000 đồng và làm thủ tục đáo hạn cho T, T phải trả công cho ông là 300.000 đồng và lãi suất 1% trên tổng số tiền vay tương ứng với thời gian vay nhưng không quá một tháng. Sau khi thỏa thuận và thống nhất thì ông có dặn T “Sáng mai đi thì mang theo chứng minh thư và hồ sơ gốc đi sớm”, T trả lời qua điện thoại với ông là OK.

Theo đúng cam kết, sáng 24/10/2019 ông cùng T và con trai T là Dũng lên Ngân hàng Nông nghiệp Chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám để cho T vay tiền và làm thủ tục đáo hạn cho T. Tại Ngân hàng, T có đưa cho ông 3.000.000 đồng để trả lãi tháng 10 và ông bỏ ra 400.000.000 đồng để cho T vay trả tiền gốc Ngân hàng. Ông trực tiếp viết bảng kê tiền và nộp tiền cho T với tổng số tiền gốc và lãi là 403.000.000 đồng (Có bảng kê kèm theo). Số tiền đó ông nộp vào quỹ của Ngân hàng do bà Giáp Thị T2 là thủ quỹ nhận đủ như tờ bảng kê. Sau đó, kế toán viên xuất biên lai thu tiền, ông cầm bảng kê, biên lai và hồ sơ gốc của T và cùng T sang bộ phận tín dụng để làm hồ sơ vay lại số tiền đã nộp. Chị H là người phụ trách phần nợ của gia đình T có đưa cho T giấy ủy nhiệm chi và hẹn ông cùng với T buổi chiều sẽ hoàn tất hồ sơ và ông sẽ được nhận lại số tiền 400.000.000 đồng.

Vì nghĩ là chiều lấy được tiền ngay nên ông đã không yêu cầu T viết giấy biên nhận vay tiền. Việc không yêu cầu T viết giấy biên nhận vay tiền vì hai lẽ: Thứ nhất, ông và T có quen biết nhau, ông biết T1 là người cùng thôn và là em T. Hơn nữa ông là người trực tiếp nộp tiền, kê tiền cho T. Thứ hai là do cán bộ Ngân hàng cũng nói là trong ngày sẽ nhận được tiền và số tiền đó sẽ giao lại ngay cho ông. Đồng thời, ông cũng là người trực tiếp cầm bảng kê, chứng từ giao dịch có dấu đã thu tiền của Ngân hàng nên ông đã tin tưởng không yêu cầu T viết giấy biên nhận. Sau khi nộp tiền xong cho T và làm các thủ tục cần thiết, ông có dặn T là “Chiều lấy tiền về rồi đưa cho ông”, T có trả lời “Vâng”.

Tuy nhiên, đến chiều tối ngày 24/10/2019 ông có nhận được điện thoại của chị H1 Ngân hàng thông báo cho ông biết là T đã rút sổ về và không làm thủ tục vay nữa. Ngay tối hôm đó và ngày hôm sau, ông có lên nhà T nhưng không gặp, điện thoại nhiều lần nhưng T không nghe máy. Ông có sang nhà anh T1 để nói sự việc xảy ra. Sáng ngày 26/10/2019, ông có lên nhà T sớm và yêu cầu T trả tiền nhưng T không trả mà trả lời cộc lốc là “Để T1 nó trả”. Ông có nói với T là “tiền anh lo cho chú thì chú phải trả anh” nhưng T vẫn không trả ông và ông được biết T đã không vay lại nữa, rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xóa thế chấp nhưng không có ý kiến gì với ông.

Sau đó, ông có đòi nhiều lần nhưng T không trả. Ông đã làm đơn lên công an xã T và công an huyện V nhưng không có căn cứ khởi tố hình sự. Nay ông yêu cầu anh Nguyễn Công T phải thanh toán trả ông số tiền gốc 400.000.000 đồng cùng lãi theo mức lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng kể từ ngày vay 26/10/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

* *Bị đơn anh Nguyễn Công T trình bày:* Anh và ông Thân Đức B không có quan hệ họ hàng gì mà chỉ biết nhau do là người cùng xã. Việc ông B khởi kiện

yêu cầu vợ chồng anh phải có trách nhiệm thanh toán trả ông B 400.000.000 đồng tiền gốc và lãi anh không đồng ý vì anh xác định từ trước tới nay vợ chồng anh chưa bao giờ vay tiền ông B. Vào khoảng 7 giờ kém ngày 24/10/2019, ông B có đứng ở cửa nhà anh gọi vào bảo là có ra Ngân hàng làm việc về việc đáo nợ Ngân hàng do trước đó anh có vay cho anh Bồ Xuân T1, sinh năm 1974 là em họ anh và cùng thôn. Ông B có bảo anh mang theo 3.000.000 đồng và chứng minh thư nhân dân cùng giấy tờ vay mượn Ngân hàng. Sau đó, anh đến Ngân hàng cùng ông B. Khi đến Ngân hàng thì ông B là người vào Ngân hàng trả số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc, anh có đưa cho ông B 3.000.000 đồng tiền lãi, sau ông B trả lại anh mấy trăm tiền thừa. Sau khi trả xong thì buổi chiều anh có đến Ngân hàng để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp trước đó. Khi anh đến Ngân hàng trả nợ thì vợ anh không đến cùng mà chỉ có anh và ông B biết việc ông B trả số tiền 400.000.000 đồng. Việc ông B nộp số tiền 400.000.000 đồng vào trả Ngân hàng là do ông B và anh Bồ Xuân T1 thỏa thuận vay mượn nhau chứ không liên quan đến vợ chồng anh do trước đó T1 có nhờ vợ chồng anh vay Ngân hàng nên khi đến hạn thì T1 phải trả Ngân hàng. Nay anh xác định số tiền 400.000.000 đồng ông B trả vào Ngân hàng cho anh là do anh T1 giao dịch với ông B, anh không biết và không vay ông B. Do đó anh không đồng ý với yêu cầu của ông B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Dương Thị N trình bày: Bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông B. Bà xác định số tiền ông B cho anh Nguyễn Công T vay là tiền vợ chồng bà vay mượn. Nay bà yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Công T trả vợ chồng bà số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi.

- Chị Dương Thị H trình bày: Năm 2017, vợ chồng anh T1 có nhờ vợ chồng chị thế chấp sổ đỏ vay Ngân hàng Nông nghiệp Chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám số tiền 400.000.000 đồng. Sau khi làm thủ tục vay tiền xong thì vợ chồng chị đã chuyển cho vợ chồng anh T1 vay số tiền 400.000.000 đồng và có giao hẹn là 6 tháng thì vợ chồng anh T1 phải đi trả nợ cho vợ chồng chị. Đến hạn vợ chồng chị có qua báo trước vợ chồng anh T1 chuẩn bị trả tiền cho vợ chồng chị để vợ chồng chị đi trả Ngân hàng. Tối 23/10/2019, anh T1 có sang báo vợ chồng chị là mai ở nhà ông B lên chờ ra Ngân hàng để thanh toán tiền. Sáng hôm sau thì chị thấy ông B có đến nhà và gọi chồng chị là anh T lên Ngân hàng cùng. Chị xác định vợ chồng chị không vay ông B tiền mà là anh T1 vay nên chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B.

Những người làm chứng:

-Anh Bồ Xuân T1 trình bày: Anh không có quan hệ họ hàng gì với ông Thân Đức B mà chỉ quen biết do là người cùng xã, còn đối với vợ chồng anh T chị H là quan hệ họ hàng (mẹ anh T là chị ruột mẹ anh). Về yêu cầu khởi kiện của ông B đối với anh T anh có biết vì trước đây anh cũng đã được công an huyện V mời lên làm việc.

Trước ngày 22/10/2019 khoảng 15 ngày, anh T có nói với anh là trước đây có vay Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám tiền và nay đến hạn phải trả, cần tiền trả Ngân hàng. Anh có nói với anh T đợt này không có

tiền nên bảo anh T để anh hỏi hộ mấy chỗ cho vay tiền đáo nợ Ngân hàng. Anh hỏi hộ 2 chỗ nhưng đều không được. Anh T có bảo anh biết ông B thì hỏi giúp nên anh đã điện cho ông B và bảo ông B có vợ chồng anh T chị H cần tiền đáo nợ Ngân hàng thì ông B có nói với anh là để ông B sắp xếp. Đến ngày 22/10/2019, anh T có lên nhà anh, anh có gọi điện cho ông B thì ông B nói phải bảo anh T nói chuyện với ông B. Sau đó, giữa anh T và ông B có nói chuyện điện thoại với nhau, cuộc điện thoại giữa anh T và ông B anh không rõ nhưng sau đấy ông B có gọi điện lại cho anh và bảo “bảo anh T chuẩn bị các giấy tờ để mai đi sớm”, anh có nói lại cho anh T còn anh T và ông B có đến Ngân hàng đáo hạn hay không thì anh không rõ. Việc ông B đưa tiền cho anh T như thế nào anh không biết. Nay anh xác định anh không vay tiền ông B, việc ông B cho anh T vay tiền như thế nào với nhau anh không trực tiếp chứng kiến mà chỉ nghe lại khi anh T và ông B có tranh chấp vì anh T không thực hiện đúng thỏa thuận. Anh xác định anh có vay tiền anh T và đến nay vẫn còn nợ anh T tiền nhưng không liên quan gì đến khoản nợ giữa anh T và ông B.

- Chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị không có quan hệ họ hàng gì với ông B, ông T hay anh T1. Việc ông B khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền chị đã biết do trước đây chị có làm việc với cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện V liên quan đến số tiền 400.000.000 đồng.

Ngày 24/10/2019, khi đó chị làm nhân viên tín dụng của Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám thì có khách hàng là ông Nguyễn Công T đến trả tiền. Chị không trực tiếp nhận tiền mà là do kế toán và thủ quỹ của Ngân hàng làm thủ tục tất toán khoản vay của ông T vào hồi 10h24 phút ngày 24/10/2019. Đến buổi chiều cùng ngày, ông T có gặp chị để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp trước đó để vay số tiền 400.000.000 đồng. Sau đó, chị có hướng dẫn ông T sang bên B phận kế toán để làm thủ tục.

Đối với khoản vay tín dụng của ông T thì ông T đã vay nhiều lần và đã trả nhiều lần vì khoản vay của ông T cứ 6 tháng là đến kỳ trả nợ. Nay chị xác định việc ông T đến Ngân hàng để tất toán khoản nợ là đúng và đã trả toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký trước đó. Còn giữa ông T và ông B vay tiền nhau như thế nào thì chị không nắm được. Vì lý do công việc bận nên chị xin được vắng mặt trong các buổi hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và xét xử của Tòa án.

- Bà Giáp Thị T2 trình bày: Bà không có quan hệ họ hàng gì với ông B, ông T và anh T1. Việc ông B khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền bà đã biết do trước đây bà có làm việc với cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện V liên quan đến số tiền 400.000.000 đồng.

Ngày 24/10/2019, khi đó bà làm giao dịch viên quỹ của Ngân hàng nông nghiệp Khu công nghiệp Đình Trám thì có ông B là khách hàng thường xuyên của Ngân hàng đến trả tiền. Theo nghiệp vụ của Ngân hàng thì cứ khách hàng có bảng kê nộp tiền vào Ngân hàng thì bà có trách nhiệm nhận tiền và đếm tiền đúng, đủ số lượng theo bảng kê thì bà ký tên và đóng dấu vào bảng kê là đã thu tiền. Thời điểm đó bà thấy ông B là người nộp bảng kê và nộp tiền, bà đã thu đủ của ông B số tiền 400.000.000 đồng. Sau đó, bà thấy có một người đàn ông sau này bà mới biết là

ông Nguyễn Công T đưa cho bà 3.000.000 đồng gồm 6 tờ 500.000 đồng để trả lãi. Nay bà xác định ngày 24/10/2019, ông B đến Ngân hàng nộp số tiền 400.000.000 đồng là đúng còn việc vay mượn giữa ông B và ông T như thế nào bà không nắm được. Vì lý do công việc bận nên bà đề nghị vắng mặt tại các buổi hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và xét xử của Tòa án.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS - ST ngày 14/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện V đã áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thân Đức B.

Buộc anh Nguyễn Công T và chị Dương Thị H có trách nhiệm T toán trả ông Thân Đức B và bà Đặng Thị N số tiền gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi 38.732.000 đồng.

- Về án phí: Buộc anh Nguyễn Công T và chị Dương Thị H phải liên đới chịu 21.548.000 đồng tiền án phí DSST (cụ thể anh T phải chịu 10.774.000 đồng, chị H phải chịu 10.774.000 đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, lãi suất chậm trả, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/10/2020, bị đơn ông Nguyễn Công T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án, không nhất trí với quyết định của Tòa án nhân dân huyện V vì ông không vay tiền ông Thân Đức B.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Công T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Bị đơn Ông Nguyễn Công T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Hà Đình Tú đều trình bày: Việc ông B khởi kiện là không đúng vì ông T không vay tiền của vợ chồng ông B, không điện thoại cho ông B. Không đồng ý với bản án sơ thẩm. Nguyên đơn không đưa ra được bất kỳ chứng cứ gì chứng minh việc ông T vay nợ của ông B, không có văn bản, không có ghi âm, ghi hình. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án không đủ căn cứ chứng minh được ông T vay tiền của ông B, lời khai chỉ từ một phía. Nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh hợp pháp, căn cứ không rõ ràng, mập mờ. Do vậy, không có việc vay tài sản giữa ông B và anh T. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh T1 có vay của vợ chồng anh T nhiều lần để làm ăn, vợ chồng anh T cũng khai là anh T1 có vay của vợ chồng anh T nhiều lần để làm ăn, vợ chồng anh T cũng khai là anh T1 có vay của vợ chồng anh 400 triệu. Đây là việc anh T1 vay tiền của ông B không phải anh T vay, anh T1 trao đổi với ông B như thế nào thì anh T hoàn toàn không biết. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông B.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Hoàng Thị Bích Loan trình bày: Việc trình bày của luật sư Tú là không có căn cứ, đồng ý với quyết định của bản án dân sự sơ thẩm đã xử. Việc vay tiền giữa anh T và ông B không có giấy vay tiền, nhưng việc anh T vay tiền được thể hiện ở rất nhiều lời khai của ông B, anh T1, cán bộ ngân hàng; phù hợp với thực tế là ngày 24/10/2019 ông B đã mang 400 triệu đến ngân hàng trả nợ cho anh T, có việc anh T đưa 03 triệu cho ông B để trả lãi. Và bản thân anh T cũng thừa nhận là ông B mang 400 triệu để trả ngân hàng và anh T có đưa 03 triệu đồng tiền lãi cho ông B trả. Ngày 24/10/2019 anh T1 không đi cùng để trả tiền, mà chỉ có anh T, con trai anh T đến ngân hàng. Có bảng kê tiền, chứng từ nộp tiền của ông B. Như vậy, có đủ căn cứ ông B cho anh T vay tiền.

+ Lời khai của anh Bồ Công T1 có trong hồ sơ xác định anh không vay tiền ông B và không nhờ ông B trả tiền vào khoản vay của anh T tại Ngân hàng. Việc vay mượn giữa ông B và anh T anh có được chứng kiến vì anh T và ông B nói chuyện qua điện thoại của anh, việc anh T vay tiền ông B như ông B trình bày là đúng còn việc giao dịch tiền với nhau giữa anh T và ông B tại Ngân hàng như thế nào thì anh không nắm được vì anh không cùng anh T hay ông B tới Ngân hàng.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Công T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1: Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Thân Đức B, anh Vũ Trí C có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

1.2: Về quan hệ tranh chấp: Mặc dù giữa ông B và anh T không viết giấy biên nhận khi cho nhau vay tiền, anh T không thừa nhận vay ông B số tiền 400.000.000 đồng tuy nhiên, anh T thừa nhận ngày 24/10/2019, ông B có nộp 400.000.000 đồng vào Ngân hàng để T toán cho khoản vay của gia đình anh tại Ngân hàng Đình Trám, nghĩa là giữa anh T và ông B có giao kết với nhau hợp đồng miệng vay tiền, có giao dịch vay mượn (anh T1 là người chứng kiến toàn bộ giao dịch đó). Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1. Xét kháng cáo của anh Nguyễn Công T không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm vì anh không vay tiền của ông B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 24/10/2019, ông Thân Đức B và anh Nguyễn Công T có đến Ngân hàng Nông nghiệp Chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám. Tại Ngân hàng, ông Thân Đức B đã làm thủ tục thanh toán số tiền 400.000.000 đồng cho khoản vay của gia đình anh Nguyễn Công T.

Mặc dù giữa ông B và anh T không viết với nhau giấy biên nhận tiền nhưng anh T thừa nhận ngày 24/10/2019 ông B có thanh toán trả số tiền 400.000.000 đồng vào khoản vay của gia đình anh tại Ngân hàng nông nghiệp Đình Trám. Việc ông B trả tiền có bà T2 là thủ quỹ Ngân hàng xác nhận. Anh T cho rằng anh không vay ông B 400.000.000 đồng mà việc vay mượn tiền là giữa anh T1 với ông B, ông B trả khoản tiền 400.000.000 đồng cho gia đình anh tại Ngân hàng là trả cho anh T1 vì số tiền 400.000.000 đồng là anh T1 nhờ vợ chồng anh vay hộ tại Ngân hàng. Tuy nhiên, qua đối chất anh T1 khẳng định không vay ông B số tiền 400.000.000 đồng, việc giao dịch vay mượn tiền giữa anh T và ông B anh được chứng kiến toàn bộ. Anh T không có tài liệu chứng minh khoản vay 400.000.000 đồng tại Ngân hàng là vay hộ anh T1, anh T1 không thừa nhận vay ông B và không nhờ ông B trả khoản tiền 400.000.000 đồng vào Ngân hàng.

- Ông B trả khoản tiền 400.000.000 đồng cho vợ chồng anh T chị H tại Ngân hàng Đình Trám là trả vào khoản vay theo Hợp đồng tín dụng và có thể chấp tài sản bảo đảm. Khoản vay tại Ngân hàng là khoản nợ chung của anh T, chị H.

- Việc ông B cho anh T vay tiền để trả Ngân hàng là có căn cứ nên việc ông B yêu cầu vợ chồng anh T trả vợ chồng ông tiền gốc và lãi là có căn cứ. Cụ thể, số tiền lãi anh T chị H phải thanh toán trả ông B bà Ngà là $400.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng} \times 0,83\%/01 \text{ tháng} = 38.732.000 \text{ đồng}$ (từ ngày 24/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/10/2020).

Do vậy, Tòa cấp sơ thẩm buộc vợ chồng anh Nguyễn Công T và chị Dương Thị H có trách nhiệm thanh toán trả ông Thân Đức B và bà Đặng Thị N số tiền gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi 38.732.000 đồng là có căn cứ.

Như vậy, yêu cầu kháng cáo của anh T là không có căn cứ, tại phiên tòa phúc thẩm anh T không cung cấp tài liệu chứng cứ nào mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh T.

[3] Với những phân tích trên, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Công T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Căn cứ khoản 1, Điều 308 BLTTDS; không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Công T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thân Đức B.

Buộc anh Nguyễn Công T và chị Dương Thị H có trách nhiệm thanh toán trả ông Thân Đức B và bà Đặng Thị N số tiền gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi 38.732.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Công T và chị Dương Thị H phải liên đới chịu 21.548.000 đồng tiền án phí DSST (cụ thể anh T phải chịu 10.774.000 đồng, chị H phải chịu 10.774.000 đồng).

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Công T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận anh T đã nộp đủ án phí DSPT theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0001407 ngày 29/10/2020 của Chi cục thi hành án huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu HS; VP.

Nguyễn Thị Kim Dung